

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 491/2024/DS-PT
Ngày 12-9-2024
V/v tranh chấp hợp đồng đặt cọc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Sỹ Trứ.

Các Thẩm phán: Bà Ngô Thị Bích Diệp.

Bà Huỳnh Thị Thanh Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thảo Vy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Nữ – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 299/2024/TLPT-DS ngày 10 tháng 7 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng đặt cọc”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 149/2024/DS-ST ngày 29 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 347/2024/QĐ-PT ngày 05/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 428/2024/QĐ-PT ngày 22/8/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Quang V, sinh năm 1988; địa chỉ: thôn A, xã T (S), huyện V, tỉnh Hà Tĩnh; địa chỉ liên lạc: số F A, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

1. Ông Nguyễn Tiến K, sinh năm 1964; địa chỉ: Số I N, phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 25/01/2024), có đơn xin vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1985; địa chỉ: số A A, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 25/01/2024), có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Công ty Cổ phần Đ1; địa chỉ trụ sở: số A ấp H, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai; địa chỉ văn phòng: tầng G, tòa nhà A G, số D đường Đ, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Dương Đức Đ, sinh năm 1997; địa chỉ tầng G, tòa nhà A G, số D đường Đ, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền 14/5/2024), có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Lê Thị H1, sinh năm 1989; địa chỉ: số F đường A, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Công ty Cổ phần Đ1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/01/2024 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 12/01/2021, ông Lê Quang V có ký với Công ty Cổ phần Đ1 (viết tắt là Công ty Đ1) Thỏa thuận đặt cọc số: C1 - 05.08/TTĐC-LDGSKY/2021 để đảm bảo cho việc ký kết Hợp đồng mua bán căn hộ số C1-05.08 thuộc dự án khu C (khu C) tại lô C, khu đô thị M tọa lạc tại phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương với giá 2.862.067.000 đồng. Sau khi ký, ông V đã thanh toán tiền cọc cho Công ty Đ1 tổng số tiền là 572.413.400 đồng. Theo Điều 4 của Thỏa thuận, hợp đồng mua bán căn hộ phải được ký kết vào ngày 30/9/2021 (có thể chậm hơn hoặc sớm hơn không quá ba (03) tháng) nhưng đến hết năm 2021 Công ty Đ1 vẫn không tổ chức ký hợp đồng mua bán với ông V vì chậm tiến độ thi công. Tuy nhiên, đến cuối năm 2021, Công ty Đ1 vẫn không tổ chức ký hợp đồng mua bán với ông V với lý do dịch C – 19 nên chậm tiến độ thi công. Đến ngày 29/12/2021 sau nhiều lần trì hoãn, ông V đồng ý gia hạn thêm thời gian cho Công ty Đ1 thông qua việc ký “Phụ lục 03” cho phép gia hạn đến ngày 31/12/2022 nhưng đến hạn Công ty Đ1 vẫn không ký hợp đồng mua bán nên cả hai bên đã thống nhất ký Biên bản thanh lý thỏa thuận đặt cọc số C1-05.08/TTĐC-LDGSKY/2021 ngày 10/01/2023. Theo đó, Công ty Đ1 có nghĩa vụ thanh toán cho ông V số tiền 621.111.512 đồng trong đó: tiền đặt cọc 572.413.400 đồng; tiền lãi 48.698.112 đồng (tiền lãi từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022). Thời hạn thanh toán chia làm 06 đợt như sau:

Đợt 1: Thanh toán 31.055.576 đồng (tương đương 5%), thanh toán chậm nhất ngày 10/3/2023.

Đợt 2: Thanh toán 31.055.576 đồng (tương đương 5%), thanh toán chậm nhất ngày 10/4/2023.

Đợt 3: Thanh toán 124.222.302 đồng (tương đương 20%), thanh toán chậm nhất ngày 10/5/2023.

Đợt 4: Thanh toán 124.222.302 đồng (tương đương 20%), thanh toán chậm nhất ngày 30/5/2023.

Đợt 5: Thanh toán 155.277.878 đồng (tương đương 25%), thanh toán chậm nhất ngày 12/6/2023.

Đợt 6: Thanh toán 155.277.878 đồng (tương đương 25%), thanh toán chậm nhất ngày 30/6/2023.

Tuy nhiên, Công ty Đ1 vẫn không thực hiện đúng cam kết, sau nhiều lần gặp mặt thương lượng mong khách hàng thông cảm để đề xuất kéo dài thêm thời gian trả nợ tới tối đa không quá ngày 15/01/2024 và được khách hàng đồng ý, nhưng Công ty Đ1 lại tiếp tục

sai phạm, tỏ thái độ thiếu tôn trọng khách hàng. Tính đến ngày 15/01/2024, Công ty Đ1 mới chỉ thanh toán được cho ông V số tiền 165.277.880 đồng, còn lại 455.833.632 đồng vẫn chưa thanh toán. Hiện nay đã quá thời hạn theo thỏa thuận, nhưng Công ty Đ1 vẫn không trả tiền cho ông V theo cam kết. Ông V đã yêu cầu Công ty Đ1 phải thanh toán đầy đủ số tiền mà ông V đã đóng theo thỏa thuận đặt cọc, khoản tiền lãi theo biên bản thanh lý và khoản tiền lãi do vi phạm thời hạn thanh toán mà Công ty Đ1 đã xác nhận qua email gửi cho khách hàng ngày 16/11/2023. Do Công ty Đ1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ông Lê Quang V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc Công ty Đ1 trả lại cho ông Lê Quang V toàn bộ tiền cọc còn nợ, số tiền là 455.833.632 đồng theo Biên bản thanh lý thỏa thuận cọc số C1-05.08/TTĐC-LDGSKY/2021 ngày 10/01/2023 và tiền lãi do vi phạm thời hạn thanh toán, tạm tính từ ngày 28/10/2023 đến 29/5/2024 với số tiền là 26.338.067 đồng (455.833.632 đồng x 214 ngày x 0.027%/ngày).

Tổng cộng ông Lê Quang V yêu cầu Công ty Cổ phần Đ1 phải trả lại là 482.171.699 đồng.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty Cổ phần Đ1 trình bày:

Thông nhất về việc ký kết thỏa thuận đặt cọc, nội dung đặt cọc, số tiền đặt cọc như ông V trình bày. Do nguyên đơn có nhu cầu muốn thanh lý thỏa thuận đặt cọc, vì vậy Công ty Đ1 đã ký Biên bản thanh lý thỏa thuận cọc số C1-05.08/TTĐC-LDGSKY/2021 ngày 10/01/2023 với các nội dung sau:

- Hai bên thống nhất và đồng ý thanh lý Thỏa thuận đặt cọc số C1-05.08/TTĐC-LDGSKY/2021 ngày 12/01/2021 và các phụ lục, văn bản, chứng từ liên quan đến Thỏa thuận đặt cọc (nếu có) giữa hai bên đã ký kết.

- Bên A sẽ hoàn trả cho bên B tổng số tiền bên B đã thanh toán cho bên A (không bao gồm các khoản phạt, bồi thường của bên B) là 572.413.400 đồng. Hai bên thống nhất rằng, theo quy định tại khoản 1.2 Điều 1 của Phụ lục 03 kèm theo Thỏa thuận đặt cọc, toàn bộ số tiền bên A thanh toán cho bên B là 621.111.512 đồng, cụ thể như sau:

- Số tiền ông V đã thanh toán cho Công ty Đ1: 572.413.400 đồng
- Số tiền lãi Công ty Đ1 thanh toán cho ông V (từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/6/2022, tổng cộng 180 ngày): 18.546.203 đồng.
- Số tiền lãi Công ty Đ1 thanh toán cho ông V (từ ngày 01/7/2022 đến ngày 30/9/2022, tổng cộng 91 ngày): 15.626.886 đồng.
- Số tiền lãi Công ty Đ1 thanh toán cho ông V (từ ngày 01/10/2022 đến ngày 31/12/2022, tổng cộng 91 ngày): 20.835.848 đồng.

- Tổng số ngày ông V phải thanh toán chậm trễ thanh toán cho tất cả các đợt thanh toán: 441 ngày.

- Số tiền phạt ông V c thanh toán: 6.310.825 đồng.

Sau khi ký Biên bản thanh lý ngày 10/01/2023, Công ty Đ1 đã thanh toán cho ông V với tổng số tiền 165.277.880 đồng số tiền còn lại chưa thanh toán là: 455.833.632 đồng.

Đối với các yêu cầu khởi kiện của ông V, Công ty Đ1 có ý kiến như sau:

1. Công ty Đ1 sẽ thanh toán số tiền còn lại cho ông V là: 455.833.632 đồng theo Biên bản thanh lý thỏa thuận cọc số C1-05.08/TTĐC-LDGSKY/2021 ngày 10/01/2023. Số tiền này sẽ thanh toán vào ngày 01/12/2024.

2. Đối với yêu cầu trả lãi tạm tính từ ngày 28/10/2023 đến 29/5/2024 với số tiền là: $455.833.632 \text{ đồng} \times 214 \text{ ngày} \times 0.027\%/ \text{ngày}$ (tương đương $10\%/ \text{năm}$) = 26.338.067 đồng thì Công ty Đ1 không đồng ý trả lãi đối với yêu cầu này của nguyên đơn do nguyên đơn không thực hiện việc trả hồ sơ gốc của việc đặt cọc và các chứng từ bản gốc cho phía bị đơn nên bị đơn chưa trả tiền cho nguyên đơn. Vì vậy, việc phát sinh lãi bổ sung là không có căn cứ.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị H1 trình bày:*

Bà Lê Thị H1 là vợ của ông Lê Quang V, nguồn tiền để đặt cọc mua Căn hộ số C1-05.08 là tài sản chung của hai vợ chồng bà. Bà Lê Thị H1 thống nhất với toàn bộ lời khai cũng như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không có yêu cầu độc lập gì trong vụ án này.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 149/2024/DS-ST ngày 29 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương, đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Quang V đối với bị đơn Công ty Cổ phần Đ1 về việc “Tranh chấp hợp đồng đặt cọc”.

Buộc Công ty Cổ phần Đ1 phải trả cho ông Lê Quang V tổng số tiền 482.171.699 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi có bản án sơ thẩm, ngày 10/6/2024 bị đơn Công ty Đ1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ nội dung vụ án để đảm bảo quyền lợi của bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị đơn thay đổi một phần yêu cầu kháng cáo, đồng ý chấm dứt thỏa thuận đặt cọc và trả lại tiền đặt cọc đã nhận, không đồng ý tính lãi.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tòa án sơ thẩm xét xử là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bị đơn Công ty Đ1 kháng cáo trong thời hạn luật định nên Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương thụ lý theo quy định của pháp luật.

[1.2] Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Tiến K, bà Nguyễn Thị Thu H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị H1 có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt họ.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quá trình tố tụng nguyên đơn và bị đơn thống nhất thời gian, nội dung của Thỏa thuận đặt cọc số: C1-05.08/TTĐC-LDGSKY/2021 ngày 12/01/2021, Phụ lục số 01, 02, 03 và Biên bản thanh lý thỏa thuận đặt cọc số C1-05.08/TTĐC-LDGSKY/2021 ngày 10/01/2023; số tiền ông V đã đặt cọc cho Công ty Đ1 là 572.413.400 đồng; số tiền Công ty Đ1 xác nhận sẽ thanh toán gồm cả gốc và lãi cho ông V tại Biên bản thanh lý thỏa thuận cọc số C1-05.08/TTĐC-LDGSKY/2021 ngày 10/01/2023 là 621.111.512 đồng; số ngày ông V phải thanh toán chậm trễ thanh toán cho tất cả các đợt thanh toán là 441 ngày; số tiền phạt ông V phải thanh toán là 6.310.825 đồng. Sau khi ký Biên bản thanh lý ngày 10/01/2023, Công ty Đ1 đã thanh toán cho nguyên đơn với tổng số tiền 165.277.880 đồng, số tiền Công ty Đ1 còn lại phải thanh toán cho nguyên đơn theo Biên bản thanh lý thỏa thuận đặt cọc ngày 10/01/2023 là: 455.833.632 đồng. Sự thừa nhận của các đương sự là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Xét thấy, Thỏa thuận đặt cọc số: C1-05.08/TTĐC-LDGSKY/2021 ngày 12/01/2021, Phụ lục số 01, 02, 03 và Biên bản thanh lý thỏa thuận đặt cọc số C1-05.08/TTĐC-LDGSKY/2021 ngày 10/01/2023 giữa Công ty Đ1 với ông Lê Quang V thể hiện ý chí thỏa thuận tự nguyện của hai bên, không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội nên có hiệu lực bắt buộc các bên phải tôn trọng thực hiện. Thỏa thuận đặt cọc giữa hai bên nhằm đảm bảo cho việc mua căn hộ ký hiệu số C1-05.08 thuộc dự án khu C (khu C) khu đô thị M tọa lạc tại phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Tuy nhiên, bị đơn Công ty Đ1 không thực hiện được đúng cam kết nên ngày 10/01/2023, nguyên đơn và bị đơn đã thống nhất thanh lý thỏa thuận đặt cọc. Tại Biên bản thanh lý thỏa thuận cọc số C1-05.08/TTĐC-LDGSKY/2021 ngày 10/01/2023 các bên tự nguyện, đồng ý chấm dứt Thỏa thuận đặt cọc số: C1-05.08/TTĐC-LDGSKY/2021 ngày 12/01/2021; đồng thời, Công ty Đ1 có trách nhiệm trả cho ông V số tiền 621.111.512 đồng, trong đó: tiền đặt cọc 572.413.400 đồng; tiền lãi 48.698.112 đồng (tiền lãi từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022); thời gian thanh toán theo tiến độ nhưng chậm nhất đến ngày 30/6/2023 thì phải thanh toán hết toàn bộ số tiền 621.111.512 đồng. Sau khi các bên ký kết biên bản thanh lý thỏa thuận đặt cọc, Công ty Đ1 đã thanh toán 165.277.880 đồng. Như vậy, Thỏa thuận đặt cọc số: C1-05.08/TTĐC-LDGSKY/2021 và các phụ lục, văn bản, chứng từ liên quan đến Thỏa thuận đặt cọc giữa hai bên đã chấm dứt theo thỏa thuận của các bên, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 422 của Bộ luật Dân sự. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại số tiền 455.833.632 đồng theo Biên bản thanh lý thỏa thuận cọc số C1-05.08/TTĐC-LDGSKY/2021 ngày 10/01/2023 là có căn cứ.

[2.3] Căn cứ nội dung thỏa thuận tại Biên bản thanh lý thỏa thuận cọc số C1-05.08/TTĐC-LDGSKY/2021 ngày 10/01/2023 thì hai bên đã thỏa thuận đến hết ngày 30/6/2023, bị đơn Công ty Đ1 phải thanh toán đợt cuối cùng cho nguyên đơn. Tuy nhiên, Công ty Đ1 đã tiếp tục không thực hiện đúng cam kết, nguyên đơn đồng ý kéo dài thêm thời gian trả nợ tới tối đa không quá ngày 15/01/2024 nhưng Công ty Đ1 lại tiếp tục sai phạm. Tính đến ngày 15/01/2024, Công ty Đ1 mới chỉ thanh toán được cho ông V số tiền 165.277.880 đồng, còn lại 455.833.632 đồng vẫn chưa thanh toán. Bị đơn cho rằng

theo quy định tại mục 3.2 Điều 3 của Biên bản thanh lý các bên đã thỏa thuận: “*Bên B có trách nhiệm hoàn trả đầy đủ cho bên A bản chính thỏa thuận đặt cọc số C1-05.08/TTĐC-LDGSKY/2021 ngày 10/01/2023 và các phụ lục văn bản chứng từ liên quan đến thỏa thuận đặt cọc (nếu có) cho bên A trước khi bên A hoàn tất việc hoàn trả tiền nêu tại Điều 2 biên bản thanh lý này*”, do nguyên đơn chưa trả các tài liệu bản chính cho bị đơn nên bị đơn chưa trả tiền cho nguyên đơn và cũng không đồng ý trả tiền lãi cho nguyên đơn. Xét trình bày của bị đơn là không có căn cứ, bởi lẽ toàn bộ các văn bản mà các bên ký kết thì đều được lập thành 03 bản như nhau và bên bị đơn đang giữ 02 bản nên nghĩa vụ hoàn trả các văn bản của bị đơn không ảnh hưởng việc đến thời gian hoàn trả tiền cọc của bị đơn cho nguyên đơn theo đúng cam kết của bị đơn nên việc bị đơn cho rằng do nguyên đơn không thực hiện nghĩa vụ hoàn trả đầy đủ cho bị đơn bản chính thỏa thuận đặt cọc và các phụ lục, văn bản chứng từ liên quan trước khi nguyên đơn hoàn tất việc trả tiền nên đến nay bị đơn không trả tiền theo biên bản thanh lý và không phát sinh nghĩa vụ trả tiền lãi chậm trả trên số tiền phải trả là hoàn toàn không phù hợp.

[2.4] Theo Biên bản thanh lý thỏa thuận cọc số C1-05.08/TTĐC-LDGSKY/2021 ngày 10/01/2023 thì Công ty Đ1 có nghĩa vụ thanh toán cho ông V số tiền 621.111.512 đồng. Công ty Đ1 đã thanh toán 165.277.880 đồng, nguyên đơn ông V yêu cầu Công ty Đ1 thanh toán số tiền còn lại là 455.833.632 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tài liệu chứng cứ các bên cung cấp, tài liệu đã thu thập chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ mới cho yêu cầu kháng cáo của mình nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương là có căn cứ nên Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Yêu cầu kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 148, khoản 1 Điều 308 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty Cổ phần Đ1.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 149/2024/DS-ST ngày 29 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Công ty Cổ phần Đ1 phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn

đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004977 ngày 13/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- TAND thành phố Dĩ An;
- Các đương sự;
- Tổ Hành chính Tư pháp;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Sỹ Trứ